TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:73/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trương Văn Dũng

2. Bà: Nguyễn Thị Huyền

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B tham gia phiên tòa:

Bà: Nhữ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lữ Thị Ph, sinh năm: 1993

Trú tại:Thôn T, xã B, Huyện B, Thanh Hoá.

Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn G, sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn T, xã B, Huyện B, Thanh Hoá.

Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Ph trình bày: Chị và anh Lương Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới theo tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ban Công ngày 10/3/2015. Sau khi cưới hôn nhân hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều bất đồng, không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, nguyên nhân vợ chồng mới kết hôn sinh con khiến kinh tế khó khăn. Vợ chồng phải đi làm mỗi người một nơi, tình cảm phai nhạt không còn tin tưởng nhau như trước. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xuyên tranh cãi. Từ

tháng 5/2023 vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay xét thấy hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng được ly hôn anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Thùy Tr, sinh ngày 05/3/2016 và Lương Thị Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2018. Hiện nay cả hai con đang ở với anh G, do vợ chồng mâu thuẫn nên hai cháu ở với bên nội nuôi dưỡng, chị cũng gọi điện hỏi thăm con, tết vẫn về ở với các con. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng chia đôi mỗi người nuôi 01 cháu, chị nuôi cháu Bảo Ngọc, giao anh G nuôi cháu Thùy Trâm, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh Lương Văn G tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/5/2024 trình bày: Anh biết đọc, biết viết nhưng anh đề nghị Tòa án lấy lời khai. Về hôn nhân anh và chị Ph tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ban Công vào ngày 10/3/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đã sinh được hai con, sau đó do kinh tế khó khăn nên vợ chồng gửi con cho ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc để đi làm xa nhà, do vợ chồng mỗi người đi làm một nơi dẫn đến vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn, tranh cãi nảy sinh ngày một trầm trọng, vì vậy từ năm 2023 chị Ph đã ly thân với anh, tết 2024 chị Ph cũng về nhưng chỉ để thăm con, nay chị Ph yêu cầu ly hôn, anh cũng đã cố gắng động viên, hòa giải mong chịPh vì con mà suy nghĩ lại vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn vì vậy anh đề nghị Tòa án xem xét cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung là Lương Thùy Tr, sinh ngày 05/3/2016 và Lương Thị Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2018, từ nhỏ đến nay 02 cháu lớn lên với gia đình anh, nếu vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng, chị Ph thương con, cho con thế nào là tùy. Anh muốn nuôi hai con do điều kiện nhà anh gần trường, trạm, tiện cho các con ăn học, phía bên ngoại điều kiện trường học không gần, các con đi học sẽ vất vả hơn. Anh nuôi con không ngăn cấm chịPh thăm nom con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án anhG đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. ChịPh đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anhG xin vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh G. Anh G và chị Ph đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lữ ThịPh, xử cho chị Lữ ThịPh được ly hôn anh Lương Văn G.

Về con chung: Giao cháu Lương Thùy Tr, sinh ngày 05/3/2016 cho anhG trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lương Thị Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2018 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị Ph, anhG có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Chị Ph, anh G không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: ChịPh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ph, anh G đều có hộ khẩu ở Huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND Huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Ph và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ban Công, Huyện B, tỉnh Thanh Hoá ngày 10/3/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng mỗi người đi làm một nơi dẫn đến hai bên không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung, hai bên ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn của vợ chồng anh G cũng thừ nhận và mẹ đẻ của anh G là bà Hà Thị Lệ xác nhận. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Ph được ly hôn anhG.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Thùy Tr, sinh ngày 05/3/2016 và Lương Thị Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2018. Ly hôn chị Ph có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 cháu, chị nuôi cháu Bảo Ngọc, anh G nuôi cháu Thùy Trâm, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Ly hôn anh G có

nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Xét thấy nguyện vọng của hai bên đều chính đáng. Tuy nhiên xét thấy hai bên đều có quyền ngang nhau về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con cái, hiện cháu Thùy Trâm đã 8 tuổi, cháu cũng có nguyện vọng ở với bố, cháu Bảo Ngọc còn nhỏ sinh tháng 11/2018 rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, ly hôn giao cháu Thùy Trâm cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bảo Ngọc cho chịPh trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: ChịPh, anhG không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: ChịPh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị Ph được ly hôn anh Lương Văn G.

Về con chung: Giao cháu Lương Thùy Tr, sinh ngày 05/3/2016 cho anhG trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, giao cháu Lương Thị Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2018 cho chịPh trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị Ph, anh G có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Ph, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: ChịPh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 số 0005928 ngày 05/3/2024. ChịPh đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Ban Công;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

- Chi cục THADS Huyện B;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Văn Ng